TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 96/2026/QĐST-HNGĐ	*Huế, ngày 31 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 52/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hiền T**, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn B, xã B, thành phố H.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Trọng V**, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn B, xã B, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hiền T và anh Hoàng Trọng V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Hoàng Nguyễn Thảo U, sinh ngày 09/12/2015 và Hoàng Quỳnh T1, sinh ngày 09/10/2021 cho chị Nguyễn Thị Hiền T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu U và cháu T1 đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hoàng Trọng V cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Hoàng Nguyễn Thảo U và cháu Hoàng Quỳnh T1, mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu U và cháu T1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hiền T và anh Hoàng Trọng Vũ T2 thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Nguyễn Thị Hiền T và anh Hoàng Trọng V xác nhận không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hiền T tự nguyện chịu toàn bộ án phí với số tiền 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000538 ngày 03/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Chị T đã nộp đủ tiền án phí nên không phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 3 – Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND xã Bình Điền;
(ĐKKH số: 01/2017 ngày 06/02/2017);
- Các đương sự;
- Lưu án HNGĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Dũng